

# Những Người Tù Cuối Cùng

Phạm Gia Đại

## Phần III: Hạnh Phúc Mong Manh

Anh ngồi bên những luống cải, rau muống và mấy cái dàn mướp, bí bầu và khổ qua, nghỉ một lát để chờ giờ nhập trại với các bạn trong đội 23. Các bạn anh hầu hết ai cũng tìm một mảnh đất nhỏ nào để canh tác riêng cho mình, nhờ thế mà vừa có được rau tươi sạch sẽ cho bữa cơm lại vừa giữ được sức khỏe. Anh là một trong 20 người tù chính trị của chế độ cũ còn sót lại sau bao nhiêu là đợt thả ở trại Hàm Tân Z-30D này. Vì số lượng còn lại quá ít nên trại đã hầu như để cho anh và các bạn được thoải mái lao động tự giác chứ không còn chế độ giao chỉ tiêu nữa, nên nhờ Trời cũng dễ thở hơn. Bầu trời chiều nay một màu xanh thẫm và trong vắt không gợn một áng mây. Anh nhìn ra chung quanh toàn là những cây Buông lớn nhỏ bao quanh khu vực sản xuất và những con suối róc rách chảy qua gần đó, một vùng mà ngày trước là khu rừng thiêng nước độc ít ai dám ở, sau nhờ vào các người tù hình sự về đây đầu tiên rồi đến những tù chính trị về khai phá và đã làm cho khu vực này trở thành thuần hóa hơn và phát triển mạnh và đem lại sự sung túc cho trại từ dạo ấy.

Nhìn lại mình, anh vẫn không thể tượng tượng rằng mình vẫn còn sống, thật như là một phép lạ. Tay anh rờ một bẹ cải xanh đang vươn ra chắc nịch, nâng trái bí đã quá nặng lên trên dàn, để cảm nhận đích thực rằng mình vẫn còn hiện hữu trong một cuộc sống quá lành đênh trên cõi đời này. Nhiều lúc anh cho rằng mình đã sinh ra dưới một ngôi sao xấu để tự an ủi mình mà thôi nhưng dầu sao thì mình vẫn còn đây dù là những người thân yêu nhất của anh thì bây giờ đã xa cách nghìn trùng. Hạnh phúc nhỏ nhoi nhất của anh là những khi được thư từ hay những món quà nho nhỏ từ nửa bên kia vòng trái đất gửi về, dù là anh biết đêm hôm đó mình sẽ không thể nào đi tìm được giấc ngủ. Ban đêm, ngồi một mình trên chiếc giường đơn trong cái mùng vải trong khi đọc kinh và khấn nguyện trước khi đi ngủ, anh có lần thầm trách ông Trời bất công, tại sao vừa cho anh một chút hạnh phúc nhỏ nhoi thì đã lấy lại của anh một giấc ngủ? Tuy vậy, anh vẫn thầm nghĩ rằng số phận cuối cùng đã mỉm cười với anh *bởi vì anh vẫn còn sống*.

Những buổi chiều êm đềm như buổi chiều hôm nay với tiếng gió thì thào thổi qua rừng lá Buông, tiếng chim hót líu lo như gọi nhau bay về tổ ấm của chúng vì màn đêm sắp buông xuống, thì tâm hồn anh thật nhẹ nhàng và thấy như lòng mình lắng đọng và những cảnh vật chung quanh như mờ dần đi và cái con tàu ấy như từ từ hiện rõ dần ra như một cơn ác mộng mà anh không thể nào quên được... Cuộc đời anh quả thật như một cuốn tiểu thuyết đầy những yếu tố bất ngờ kể từ khi anh và hàng ngàn người Việt Nam đã quyết định trở về quê hương trên con tàu Việt Nam Thương Tín (VNTT) định mệnh đó. Chuyến trở về trên con tàu định mệnh mà đã vui dập cuộc đời của hàng ngàn người chỉ vì lòng thương nhớ gia đình, thương nhớ quê hương của họ.

Khi miền Nam đang chìm trong khói lửa của biến cố 30 tháng Tư tang tóc thì anh may mắn đi thoát được đến đảo Guam, bến bờ của Tự Do – niềm ao ước vô biên của hàng bao nhiêu triệu người Việt Nam vào ngày mà Sài Gòn sụp đổ và những năm tháng sau đó. Vậy mà anh đã quyết định trở về sau một thời gian ngắn đến được đảo Tự Do này bởi vì vợ con anh đều bị kẹt ở lại Sài Gòn. Hình ảnh người vợ hiền và những đứa con dại còn ở lại quê nhà cứ ám ảnh tâm trí anh dù là anh đang được sống trong bầu không khí Tự Do và tạm đầy đủ về vật chất trên đảo này. Trách nhiệm người chồng, người cha trong hoàn cảnh loạn ly đã không quay về kịp để đón vợ con mình và đành phải ra đi ngậm ngùi một mình đã làm cho anh bao đêm thao thức và đó cũng là tâm trạng của những người quyết định lên tàu VNTT để trở về quê hương. Nhưng có một điều họ quên rằng quê hương của họ nay đã đổi thay, căn nhà xưa nay đã đổi chủ.

Khi những người trong đoàn bước qua cái cổng sau cùng để lên chiếc tàu VNTT thì những người Mỹ trong chương trình định cư đã hết lời khuyên can họ nên quay lại vẫn còn kịp bởi vì về tới Việt Nam (VN), họ sẽ bị giam giữ và tù đầy; nhưng lòng thôi thúc vì thương nhớ vợ con gia đình và quê hương đã thắng. Anh cũng như họ bỏ ngoài tai những lời cảnh cáo của giới chức Hoa Kỳ và bước lên con tàu định mệnh. Khi con tàu nhỏ neo quay mũi hướng về hải phận VN thì họ không thấy đâu cái anh chàng tranh đấu hăng nhất thậm chí còn đốt phá một số căn lều trên đảo để đòi về VN mọi giá cho bằng được đâu nữa. Lúc ấy mọi người mới lờ mờ hiểu ra rằng anh ta là một Việt Cộng (VC) nằm vùng thì cũng đã quá trễ rồi. Hoá ra là VC trong kế hoạch hậu chiến của chúng đã cài người vào giòng người di tản qua Mỹ để tiếp tục phá hoại trong cộng đồng chúng ta tại hải ngoại.

Con tàu vẫn lặng lẽ rẽ sóng và khi người tài công báo cho biết là sắp vào hải phận Nha Trang thì mọi người đều reo hò mừng rỡ vì người Quốc Gia chúng ta ai lại không nặng lòng vì gia đình vợ con và vì quê hương đất nước? Nhưng niềm vui đó không kéo dài được bao lâu thì được lệnh từ trong bờ đánh ra là tàu phải bỏ neo ngoài khơi và không được tiến gần sát vào bãi biển khi chưa có lệnh làm mọi người đều thắc mắc.

Họ phải chờ đến gần tối thì mới thấy ba con tàu nhỏ có võ trang và bộ đội trên đó ra đón và đưa hết họ vào bờ để con thuyền VNTT lẻ loi nằm lại cho sóng vỗ rì rào ngoài khơi. Lúc đó họ mới cảm thấy một cái gì nguy hiểm đang rình rập chung quanh nhưng đã quá muộn màng vì một màn lưới giăng ra đã phủ chụp xuống đầu họ bất ngờ, tóm gọn hết toàn bộ những người trở về trên con tàu VNTT. Một lực lượng vũ trang hùng hậu và một đoàn xe vận tải đã chờ sẵn để chào đón họ trên bãi biển. Tất cả đều bị tổng giam theo lệnh từ trên đưa xuống trong sự ngỡ ngàng đến cùng cực của mọi người và những lời phân bua giải thích như tiếng kêu trong sa mạc.

Một vài ngày sau thì những đàn bà và con nít được thả ra cho về trước, còn các thanh niên và đàn ông đều phải trải qua cuộc thẩm tra ngày đêm vì họ nghi ngờ rằng tình báo Mỹ đưa người về lại VN để đánh phá “cách mạng”. Anh đúng là từ trên Thiên Đường phút chốc rơi xuống Hỏa Ngục trên đất nước của mình. Anh đã bị họ khám xét không còn một chỗ nào trên người thoát khỏi cặp mắt cú vọ của mấy tên công an và phản gián. Những lời khai của anh là vì nhớ vợ con mà quay về không được họ chấp nhận và những cuộc hỏi cung như liên tu bất tận làm cho anh kiệt sức. Họ khám xét từng centimét trên con người của anh từ cọng tóc đến ngón chân, thậm chí soi cả vào cổ họng, hốc mũi, hai vành tai cho đến cả hậu môn làm cho anh cảm thấy mình không còn là con người nữa trong tay của họ.

Những tháng ngày giam giữ sau khi tàu về đến VN là những ngày tháng kinh hoàng cho anh và những người trở về. Họ xem xét kỹ từng tờ giấy, chiếc bút bi, áo quần, giày vớ, và tịch thu hết vòng vàng, đồng hồ và dĩ nhiên tất cả đô la mà anh đem về. Một số nhỏ sau đó được thả về, còn đa số bị chuyển đến trại giam khác và bắt đầu một cuộc hành trình đến một nơi vô định với một bản án không công bố và không có thời hạn vì chủ trương của họ là thả giam lâu hơn thả lắm.

Anh còn bị chiếu cố kỹ hơn nữa vì trước năm 1975, anh là nhân viên của tổng lãnh sự Mỹ tại Nha Trang nên họ kết luận ngay là điệp viên Hoa Kỳ và không cần xét xử gì lâu la hơn. Giấc mơ được về sum họp với gia đình được nhìn thấy vợ con của anh tan ra như bọt sóng đại dương một cách thật không thể nào hình dung ra nổi với cái chế độ mới kỳ quái này trên cái quê hương này nữa. Anh không những không được nhìn thấy vợ con mình, gia đình anh cũng không hề được thông báo là anh đã trở về để đến thăm anh mà thân anh tự đứng sa vào vòng tù tội không biết lúc nào ra. Cuộc đời anh từ đó gian nan và phiêu lưu còn hơn câu chuyện người tù khổ sai Papillon anh từng đọc khi trước.

Sau nhiều năm qua nhiều trại giam và ra lưu đầy tại miền Bắc thì anh mới bắt đầu nhận được tin gia đình như một cái sét đánh ngang tai vì vợ con anh quá nhớ thương anh và không chịu nổi đời sống kìm kẹp và tàn bạo của chế độ Cộng Sản nên đã lên đường vượt biển. Anh từ bên kia bờ đại dương theo tàu trở về, không gặp được những người thân yêu, rơi vào tù tội trong khi vợ con anh lại nghĩ rằng anh đang trên đất Tự Do và lao ra biển để tìm đường sum họp. Ông Trời quả thật là quá trớ trêu để cho con Tạo xoay vần như không. Bao nhiêu năm sau đó anh sống như người mất hồn trong một thân xác trống rỗng cho đến khi qua những gia đình bạn anh đến thăm nuôi thì anh được tin là vợ con anh đã đến được bến bờ Tự Do bình yên, lúc đó anh bắt đầu bình tĩnh trở lại và cố gắng sống còn để mong còn có ngày đoàn tụ.

Những ngày tháng đầu tiên trong phòng biệt giam, ăn uống thiếu thốn toàn khoai sắn và thối vẩn căng thẳng ngày đêm, đã có những lúc anh nghĩ đến sự giải thoát cho thân xác hết đau khổ, nhưng hình ảnh vợ con hiện lên làm anh lại cố gắng chịu đựng từng ngày. Sau một thời bị biệt giam, anh được đưa ra buồng giam lớn và may mắn được ở chung với các bạn tù chính trị chế độ cũ và sức khỏe của anh dần dần hồi phục.

Năm 1979, khi từng đoàn người trong Nam tải hàng tiếp tế cho chồng con của họ đang bị giam trong các trại miền Bắc thì việc thăm nuôi đó, những sự hy sinh đó của gia đình đã đem lại luồng sinh khí cho những người tù này trong đó có anh. Ngay cả những trại giam và những cán bộ phụ trách khu thăm nuôi cũng bấy tỏ lòng thán phục với gương hy sinh của những người vợ, người Mẹ hay thân nhân vất vả từ Nam ra Bắc. Ngoài ra, anh cũng lên tinh thần khi biết phía bên kia bờ biển Thái Bình Dương cũng có nhiều cá nhân hội đoàn VN và Hoa Kỳ đang ngày đêm tranh đấu cho những người tù chính trị sớm được thả ra khỏi trại giam. Nhờ vào

những sự tranh đấu này và sự tiếp tế vật chất tiền bạc thuốc men từ gia đình mà cuộc sống của anh và các bạn trong lao động khổ sai và lưu đầy cũng bớt phần gian khổ và nhân phẩm được tôn trọng hơn. Những người tù này không còn phải mặc áo quần đóng dấu “cải tạo” sau lưng nữa, có thể mặc quần tây áo sơ mi gia đình gửi đến, và buổi tối được ở ngoài sân cho đến chín giờ thì mới phải vào buồng giam.

Anh dù là qua bao nhiêu gian truân bao nhiêu là thăng trầm như từ cõi chết trở về cõi sống nhưng lúc nào anh cũng tỏ ra hoà nhã và vui vẻ với mọi người chung quanh nhất là với các bạn tù đồng cảnh ngộ và được anh em thương mến. Nhiều người cũng về từ tàu VNTT và cũng bị lưu đầy ra miền Bắc nhưng dần dần họ được thả ra về hết. Anh Hoá, Trung Úy cũng vì theo tàu về mà bị giam mười ba năm là người bị giam lâu nhất sau anh. Sau đợt thả lớn vào tháng chín năm một chín tám bảy và dịp Tết năm một chín tám tám thì chỉ còn chín mươi người tù chính trị còn lại trên đất Bắc trong trại Nam Hà và anh là người duy nhất còn lại của chiếc tàu định mệnh VNTT.

Thời gian sống chung tại trại Nam Hà, những khi kể về con tàu VNTT, anh kể lại với một sự bình tĩnh và chấp nhận số mệnh và không hề tỏ lời than trách Chúa hay Ông Trên và vẫn dốc tâm cầu nguyện hằng đêm theo tôn giáo của mình. Anh cũng tìm niềm vui khi xin nhận con chó con Pepsi về nuôi và chia sẻ niềm vui đó cho cả đội. Đối với các cán bộ trại, anh luôn tỏ ra điềm tĩnh và sẵn sàng giúp đỡ cho họ hay khu gia binh nếu cần đến thuốc men hay vật dụng gì mà anh có và do đó anh cũng thấu được cảm tình và sự vì nể của các cán bộ trại giam. Chính vì những con người như anh mà cuộc sống của những tù nhân bên chính trị được cởi mở hơn và tình trạng căng thẳng giữa tù nhân và phía trại giam cũng không còn và lần đầu tiên mà nhiều người trong khu gia binh đã gọi anh và các bạn là ân nhân của họ. Mỗi khi có chuyển trại thì khu gia binh kéo ra đầy đường và giơ tay của mấy đứa con nhỏ đang bồng lên vẫy chào và luyến tiếc những người tù nhiều lòng vị tha này. Có những cán bộ nữ thường xuyên liên lạc với chúng tôi về mua bán tại căng-tin chẳng hạn thì chạy xe đạp thẳng vào trại đến trước cửa buồng giam để chúc chúng tôi mạnh khoẻ khi vào trại mới, và mắt thì đỏ hoe và giọng nghẹn ngào xong thì lại vội vã chạy xe đạp ra sợ các người khác trông thấy.

Có tên trực trại trước kia được mệnh danh là “hung thần” khi thấy chúng tôi lần lượt lên xe di chuyển vào Nam thì thốt ra một câu: “*Các anh đi rồi chúng tôi như chết đi nửa người và trại này sẽ hoang vắng lắm*”. Chúng tôi đều không ngờ rằng sau mười mấy năm bị tập trung “cải tạo” thì người bị cải tạo lại chính là họ, những người phía bên kia chiến tuyến. Anh nhìn tôi và các bạn và trong lòng chúng tôi đang rộn lên một niềm vui vì kết cuộc thì sự nhẫn nhục chịu đựng và lòng vị tha của những người tù này đã khiến cho một điều không thể xảy ra được đã xảy ra, đó là những bông hoa đã nở ra được trong lòng Địa Ngục trần gian trên miền Bắc.

Anh là Hoàng Hiểu, người về từ con tàu VNTT, một trong 20 người tù cuối cùng, chỉ vì lòng thương nhớ vợ con mà đã phải trả bằng cái giá của mười bảy năm tù đầy. Anh được thả ra khỏi trại Hàm Tân, Bình Thuận ngày 29 tháng Tư năm một chín chín hai. Một năm sau thì anh được đưa vào danh sách Z-05 theo chương trình H.O. và qua Mỹ đoàn tụ với gia đình. Một cuộc đoàn tụ đầy xúc cảm và nước mắt nhưng là những giọt nước mắt của hạnh phúc sum vầy; một hình ảnh đoàn tụ mà anh cứ tưởng sẽ đến với anh mười bảy năm trước khi anh leo lên con tàu VNTT để về lại quê hương.

#### **Phần IV : Huyền Thoại Về Một Vị Sư**

Mỗi năm cứ vào tháng Tư âm lịch thì chúng ta lại liên tưởng đến lễ Phật Đản, đến đạo Phật thậm thâm vi diệu đã ăn sâu trong đời sống dân gian từ hàng ngàn năm nay và đã trở thành mẫu mực cho một xã hội đạo đức và thịnh trị từ ngàn xưa. Kính Phật thì phải trọng tăng nhưng không để gì trong cuộc sống đời thường mà chúng ta có cơ duyên gặp được các vị cao tăng, các vị chân tu đức hạnh cao dày, hướng chi là trong những năm tháng đọa đầy trong ngục tù tăm tối của các trại giam dưới chế độ Cộng Sản tại miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Vậy mà thật là bất ngờ tôi lại có được cái điểm phúc ấy, không những được gặp mà còn được sống chung trong một trại và nhiều khi cùng một buồng giam với những vị sư Nhà Tuyên Úy Phật Giáo của chế độ cũ Việt Nam Cộng Hòa, và những vị Linh Mục, Mục Sư Tuyên Úy nữa trong một thời gian dài của hơn năm năm lưu đầy.

Lúc đó khoảng cuối năm một chín tám mươi một, tất cả các vị Tuyên Úy được chuyển trại từ Thanh Cẩm, Thanh Hóa ra miền trung du để về trại giam Hà Tây, Hà Sơn Bình và hai năm sau thì tất cả lại được di chuyển về trại Nam Hà, Hà Nam Ninh.

Mỗi vị trong Nha Tuyên Úy đều có một sắc thái khác nhau, nhưng vị sư này là một con người rất bình dị nhưng đã làm được những việc phi thường của một bậc xuất phàm mà nếu muốn viết thật đầy đủ về thầy thì phải một cuốn sách dày mới nói hết được những huyền thoại về cuộc đời của thầy, nhất là trong hơn mười hai năm thầy bị tù đầy giam cầm thầy đã chia sẻ gian khổ bên cạnh các người tù chính trị chế độ cũ như thế nào. Đó là Trung Tá, quyền giám đốc Nha Tuyên Úy Phật Giáo, Thượng Tọa Thích Thanh Long. Thầy đã đứng ra nhận trách nhiệm điều hành Nha Tuyên Úy khi Thượng Tọa Thích Tâm Giác viên tịch để chăm sóc về tinh thần cho các quân nhân Phật tử và cũng vì lẽ đó mà thầy và toàn thể các vị trong Nha Tuyên Úy đều phải vào tù khi miền Nam rơi vào tay Cộng Sản vì các thầy đều được phong cho cấp bậc từ đại úy đến trung tá của QLVNCH để dễ làm việc với các quân nhân Phật tử.

Khi đó thầy Long và thầy Tâm, hoà thượng Thích Thiện Chánh là hai vị chức vụ cao nhất trong Nha Tuyên Úy tại thủ đô Sài Gòn được lệnh của mấy tay sư quốc doanh trong Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đến gặp họ để bàn giao các cơ sở Phật giáo trong Sài Gòn. Họ chiêu dụ hai thầy hãy gia nhập vào phong trào “Phật Giáo Yêu Nước” mới thành lập này để tránh không phải đi tập trung “cải tạo”. Thầy Long rất bình tĩnh từ chối lời đề nghị ấy nhưng nghiêm khắc chỉ vào mặt Thích Minh Nguyệt và Thích Thiện Siêu là những nhà sư hoạt động cho Cộng Sản trước kia mà mắng rằng: *“Thân tôi dù có làm kiếp đời bọ trong hồ xí thì cũng phải biết đến đạo đức và liêm sỉ. Các ông đã dựng lên cái “Phật Giáo Yêu Nước” này thì con đường các ông chọn lựa các ông cứ đi, còn tôi, tôi chấp nhận vô tù cùng với các Phật tử và chiến hữu của tôi.”*

Hai vị sư này chính là người mà Cảnh Sát Đặc Biệt thuộc lực lượng Cảnh Sát Quốc Gia đã bắt giam trước năm 1975 vì hoạt động cho Cộng Sản. Thích Minh Nguyệt đã bị đày ra Côn Đảo, còn Thích Thiện Siêu thì thường được gọi là ông sư chùa Từ Đàm vì tu ở chùa này ngoài Huế. Sau đó chính Thượng Tọa Thích Thanh Long là người đã đứng ra bảo lãnh cho họ ra khỏi tù để ăn năn hối cải mà trở về lại con đường tu hành vì họ đã bị lộ hình tích. Không ngờ hai nhà sư thân Cộng này vẫn không hối cải và vẫn tiếp tục phản lại đạo và phản lại Quốc Gia và xuất đầu lộ diện sau ngày 30 tháng Tư.

Khi bàn giao thủ tục xong thì Thầy Long và thầy Tâm thanh thản ra về và thanh thản bước chân vào chốn lao tù. Mấy tay sư quốc doanh đó cũng sợ hãi vì biết rằng thuyết phục cũng không làm gì lay chuyển được hai thầy. Chúng có âm mưu lôi kéo thầy vào để huyênh hoang thêm về cái tổ chức Phật giáo quốc doanh đó nhưng đã không thành công mà còn bị mất mặt trước đám cán bộ tiếp thu cơ sở hôm đó nữa. Trước khi Sài Gòn sụp đổ, hai toà đại sứ bạn là Trung Hoa Dân Quốc và Úc đã cho người đến đón thầy đi di tản ra nước ngoài nhưng thầy đã cảm ơn họ và nhã nhận từ chối để ở lại trên quê hương mình vì thầy không thể bỏ chùa và bỏ Phật tử mà ra đi một mình như thế được. Thầy nói rằng tu hành thì ở đâu cũng là tu.

Nhìn bề ngoài, thầy giống như một ông già nhà quê chất phác hiền hậu mới ngoài lục tuần nhưng thường thấy trên môi thầy nở nụ cười hi hi xả xả như một người chẳng có gì phải âu lo trong kiếp sống lưu đầy khổ cực này vậy. Thầy chẳng bao giờ nghĩ đến cá nhân mình mà luôn trải lòng vị tha và lòng thương xót của mình với tất cả những người tù chung quanh không kể tôn giáo, còn mạnh khoẻ hay đang đau yếu. Những năm sau, khi có mấy người Phật tử thuần thành từ chùa Giác Ngạn miền Nam ra thăm thầy và đem theo ít vật dụng thức ăn chay và bột đường thì khi vào trại thầy đã mang tất cả những quà cáp mà thầy vừa nhận được đến từng chỗ nằm của mỗi người tù, ưu tiên những người bệnh hay suy nhược. Người bệnh nhiều thì được một thỏi đường móng trâu, bệnh nhẹ thì nửa thỏi, phân phát hết mà không hề nghĩ đến bản thân mình. Thầy chia sẻ cả những viên thuốc tây như trị đau bao tử, thuốc bổ, thuốc trị đau nhức cho những anh em nào đang cần và chưa có gia đình đến thăm kịp thời.

Có sống trong những giai đoạn đó mới thấy một hạt muối, một cục đường quý giá như thế nào, có lẽ vàng cũng không sánh được. Vì sau mấy năm bị giam cầm qua bao nhiêu mùa Hè nắng cháy da, mùa Đông rét lạnh căm căm, những người tù với ăn uống quá thiếu thốn và lao động khổ sai đã trở nên suy nhược và suy dinh dưỡng trầm trọng chỉ còn như bộ xương cách trí và khoảng hai phần ba trọng lượng cơ thể vì thiếu chất bột là cơm gạo, thiếu chất béo là thịt cá và thiếu chất ngọt là đường. Bởi thế nên nghĩa cử của thầy đem phân phát ân cần từng cục đường, viên thuốc cho các bạn đồng cảnh tù, cho những người đau yếu lúc đó là hành động trông rất bình thường của một con người tu hành nhưng lại mang một tính cách phi thường và vô cùng nhân bản của đạo sống giữa đời trong cõi địa ngục trần gian, nơi mà kẻ thù chỉ mong muốn cho họ chết dần đi từng ngày trong đau đớn và tủi nhục.

Những năm tháng mùa Đông trên đất Bắc, người tù còn vất vả hơn nữa vì cái giá rét sương mù mưa phùn gió bắc còn làm cho họ càng thêm điều đứng và bệnh tật nhiều hơn và cái đói cái rét lại càng dày vò họ triền miên ngày đêm cho đến độ bất cứ con gì nhúc nhích hay rau cỏ bên vệ đường thì đều ăn được cả. Từ đó lại thêm căn bệnh về đường ruột làm suy yếu thêm cơ thể vốn dĩ đã suy nhược. Có một hôm, tôi đang ngồi nhâm nhi miếng bột hấp bằng ngón tay cái – là khẩu phần dành cho người đi lao động, ở lại buồng vì đau ốm thì không có – thì anh bạn đang nằm dưỡng bệnh bên cạnh là một thiếu tá cảnh sát chế độ cũ đã bị phủ thủng lâu rồi không đi lao động được, chợt hai tay buông thõng xuống và trút hơi thở cuối cùng. Tôi vội kêu các bạn khác đến để khiêng anh xuống bệnh xá cấp cứu nhưng không còn kịp nữa. Anh ra đi thật nhẹ nhàng y như một ngọn nến vụt tắt khi không còn một chút sáp nào nữa vì đã cháy đến cuối tim đèn vậy. Hôm ấy, tụi tôi trong buồng vẫn xuất trại đi lao động bình thường, nhìn các bạn cùng đội đang lúi húi cuốc đất khai quang một vùng đất hoang để trồng thêm rau xanh cho trại, tôi hiểu rằng trong đầu họ cũng đang nghĩ như tôi là bao giờ thì đến lượt mình ra đi đây.

Có lần bàn tay tôi co duỗi không được nữa mỗi buổi sáng khi thức dậy và khi ra lao động phải khó khăn lắm mới cầm vững được cái cuốc hay cái xẻng. Thế mà như là một phép lạ, khi có phái đoàn ngoại quốc ghé thăm trại thì bọn họ dàn cảnh bán cho mỗi tù nhân chính trị được một lon sữa đặc có đường. Tôi bèn đục ngay ra uống một hơi một phần ba lon sữa đặc xong thì sáng hôm sau tỉnh dậy thấy hai bàn tay mình đã co duỗi lại như thường, hoá ra là cơ thể quá thiếu chất đường gây nên sơ cứng cơ bắp và gân cốt cho hai bàn tay và cả cơ thể của mình nữa.

Như là một vì sao sáng trong bóng tối, Thầy luôn an ủi, khuyến khích, nâng đỡ các bạn tù về cả tinh thần lẫn vật chất và nhiều lúc kể chuyện hay giảng một chút về đạo Phật để xoa dịu nỗi đau khổ của chúng sanh và để cùng diu nhau đi hết quãng đời tù tội. Rất nhiều anh em hỏi thầy về đạo Phật, có khi thầy từ tốn giảng giải đôi điều về nghiệp chướng, về thế nào để giữ được lục hoà là sự hòa hợp trong gia đình, bạn bè, cuộc sống, nhưng cũng có khi thầy chỉ mỉm cười và nói: “*Hãy cứ làm điều Thiện là Tu Hành rồi*”, một câu nói rất đơn giản nhưng bao hàm gói ghém trong đó bao nhiêu là triết lý cao sâu của đạo Phật. Bởi thế mọi người đều gọi thầy bằng BỐ một cách kính trọng và như thầy Khuê, một đại đức trong Nha Tuyên Úy và là huấn luyện viên Tam Đẳng Nhu Đạo của võ đường Quang Trung, Sài Gòn trước kia, đã nói với tôi rằng thầy là một bậc chân tu và là biểu tượng của đạo Phật trong tù. Thầy Khuê bảo tôi rằng các ông thầy trẻ cũng có ông có sai lầm của họ vì họ cũng là con người dễ bị cám dỗ bởi vậy không nên vì một hai ông thầy trẻ này mà mất lòng tin vào đạo Phật.

Ngược lại, đối với kẻ thù thì thầy lại đối đầu với chúng tuy bề ngoài trông rất là bình tĩnh nhưng lại thật là cương quyết, dũng cảm, không bao giờ đầu hàng, và không bao giờ nhượng chúng dù chỉ là một bước làm cho chúng ta nhớ tới những vị quốc sư thời Lý, Lê, Trần đã gây công dựng nước và giữ nước ngày xưa. Những lần cán bộ của Bộ Nội Vụ đến trại bắt hàng loạt tù nhân ra thẩm vấn và làm bản tự khai về tội lỗi của mình đối với “Cách mạng” với “nhân dân”, đến phiên thầy thì thầy ung dung ngồi xuống và chép nguyên bài “Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh” rồi đưa lại cho họ. Chúng tức điên người lên, đập bàn quát tháo và dọa nạt thầy đủ điều nhưng thầy bình thản bảo họ rằng từ bé đến giờ thầy chỉ thuộc có bài kinh đó chứ đâu có biết cái gì nữa đâu mà khai báo. Chúng đưa lại tờ giấy giấy khác và bảo thầy vào buồng giam suy nghĩ cho kỹ rồi viết. Hôm sau, thầy đem nộp lại cho họ cũng đúng bài “Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh” và nói với họ rằng thầy là người chỉ huy, các ông đại đức Tuyên Úy dưới quyền chỉ là theo lệnh của thầy mà thi hành thôi, cho nên họ cứ thả hết các vị sư trong Nha Tuyên Úy ra và muốn giam giữ thầy bao lâu cũng được.

Bọn cán bộ hỏi cung, lúc đầu hùng hổ, sau đổi chiến thuật qua dụ dỗ thầy cũng không xong. Điều kỳ diệu là sau các buổi thẩm vấn và qua cung cách đối đáp và giảng giải đạo Phật thay vì phải khai báo về mình của thầy, bọn họ, sau nhiều năm khai thác không được, đã tỏ lòng kính phục vị sư già này. Họ đã đổi cách xưng hô gọi thầy bằng “anh” qua cách gọi bằng “thầy” khi họ đến làm việc lần cuối trước khi thả một đợt lớn tất cả các vị Tuyên Úy vào tháng Chín năm một chín tám bảy.

Buổi chiều hôm đó, khi tôi đi cùng dạo sân với thầy chờ kẻo điếm danh vào buồng thì lần đầu tiên tôi thấy thầy quàng vai qua tôi một cách rất thân thương như người cha ôm đứa con vậy và thầy tâm sự với tôi rất lâu. Thầy nói rằng họ đã hỏi cung thầy nhiều lần và cuối cùng thì họ đã thất bại vì – thầy ghé nhỏ nói vào tai tôi là – dù họ có lấy trái bom nguyên tử mà ghè vào đầu thầy thì thầy vẫn không đầu hàng và thầy nở nụ cười thật tươi và mãn nguyện. Trong lòng tôi lại càng thêm kính phục một vị chân tu đã làm sáng ngời tôn giáo của mình trong tù và một người chiến sĩ Quốc Gia can trường hiên ngang và dũng cảm đối đầu với quân thù ngay

trong hoàn cảnh thất thế và đã làm kẻ thù phải nể phục. Thầy bảo với tôi rằng cuộc đời của thầy không có gì phải ân hận vì những điều mình làm đều đúng theo lương tâm.

Khi mới lớn thì Bố Mẹ thầy bắt thầy từ chùa về nhà để lập gia đình nhưng thầy đã cương quyết xin Bố Mẹ cho tiếp tục con đường tu hành vì thầy đã chọn con đường đó. Tôi có hỏi thầy người con gái đó là ai, thì thầy cười bảo rằng sau đó thì Bố Mẹ thầy chấp thuận cho thầy con đường đã chọn và cô ta đã sang Pháp và lập gia đình với một anh bác sĩ; và thầy cũng đã xin lỗi cô ấy vì đã không tuân theo lời Bố Mẹ được. Mỗi khi nghĩ lại, thầy nói rằng mình đã làm đúng và trong lòng thấy thanh thản.

Đối với việc hai toà đại sứ bạn đưa người đến để đón thầy di tản trước ngày Sài Gòn sụp đổ và thầy đã quyết định ở lại quê hương và về quyết định của thầy từ chối lời đề nghị hợp tác với “Phật Giáo Yêu Nước” của Thích Minh Nguyệt và Thích Thiện Siêu, rồi chấp nhận vào tù – trong những năm tháng cực kỳ gian nan và đói khổ triền miên và bị kẻ thù hành hạ một cách tiều nhân trong các trại giam từ miền Trung ra miền Bắc - mỗi khi nghĩ lại, thầy nói rằng thầy rất an tâm vì mình đã có những quyết định đúng vì thầy bảo với tôi rằng Cộng Sản nó là Quỷ Dữ đấy không thể hợp tác được và phải vào tù cùng với các Phật tử chứ bỏ đi một mình coi sao được.

Tâm sự của thầy cũng y hệt tâm sự của thầy Tâm là vị thầy đã khai sáng cho tôi trong đạo Phật và cũng là dưỡng phụ tinh thần của tôi. Thầy là bậc chân tu nên có được Huệ Nhân và biết được các chuyện quá khứ vị lai nên đã ưu ái dành cho tôi một buổi dạo chơi trong sân để thấp sáng hơn nữa cho tôi niềm tin vào tương lai vì có lẽ thầy biết rằng thầy trò sẽ chẳng bao giờ còn gặp lại nhau nữa và biết rằng tôi sẽ còn phải đi nốt quãng đời tù tội cho đến cuối cùng chẳng. Chính tôi không ngờ rằng buổi chiều hôm đó là lần cuối cùng hai thầy trò gặp nhau và có lẽ tôi là người duy nhất có được may mắn mà thầy đã dành cho nhiều thì giờ tâm sự như vậy bởi vì chỉ một hay hai ngày sau thì có đợt thả lớn trong đó toàn bộ các vị tu sĩ, linh mục và mục sư, kể cả thầy Long và thầy Tâm, đều có tên.

Thầy tu từ nhỏ với Sư Ông và đã đạt đến trình độ cao thâm nên có thể thông hiểu các chuyện quá khứ vị lai. Có lần thầy bảo một anh đại úy cùng buồng giam khi đi lao động phải thận trọng về sông nước. Năm đó nước lũ kéo về vùng trại giam Thanh Cẩm ruộng nương đều trắng xoá và mưa gió rét mướt nhưng những người tù vẫn phải đi lao động mỗi khi trời đất êm đi mưa bão. Khi vượt qua một con suối các tù nhân phải nắm tay nhau chậm chậm và dò dẫm từng bước một để băng qua nhưng anh đại úy đó đã vấp số và bị nước lũ cuốn phăng đi.

Một lần khi tôi đang ngồi sau buồng giam để đun nước uống bên cạnh thầy và anh Nguyễn Duy Xuân là viện trưởng viện đại học Cần Thơ thì đột nhiên thầy quay qua anh Xuân và nói rằng anh phải cẩn thận đấy vì thầy thấy có một cái gì cực độc đang ở trong người anh. Lúc ấy anh Xuân đang mặc áo đà như một người tu tại gia và trông khoẻ mạnh, mỗi sáng đều tập thể dục thường xuyên. Đâu có ngờ rằng chỉ ít lâu sau thì anh trở nên ăn khó tiêu và sức khoẻ xuống dần. Gia đình anh bên Pháp gửi về cho anh thuốc bổ gan và thuốc lọc máu nhưng bệnh tình không thuyên giảm. Anh có đưa cho tôi vài gói thuốc lọc máu và bảo tôi uống đi nhưng tôi từ chối vì không cần thiết. Anh rất là hiền hoà và tỏ ra một con người trí thức và không hề mở miệng than trách một điều gì ngay cả khi đã biết mình vướng phải căn bệnh nan y là ung thư bao tử. Những năm tháng anh nằm dưới bệnh xá của trại, chiều nào lao động về tôi cũng cùng anh Triệu Huỳnh Võ, thứ trưởng Bộ thông tin - người mà tôi thường gọi đùa là người chỉ có họ mà không có tên – thả bộ xuống bệnh xá thăm anh thì anh vẫn còn cười và bảo tôi rằng tại sao tôi cứ gọi anh là ông viện trưởng vậy vì mình mất hết rồi còn gì đâu. Tôi nắm tay anh nói rằng chúng ta mất hết nhưng học thức của mình không mất, và tôi cũng cho anh biết tình hình phía Hoa Kỳ đã can thiệp để Hà Nội phải thả hết các tù chính trị đang diễn ra tốt đẹp để anh có thêm sức mạnh tinh thần mà cầm cự với căn bệnh quái ác đó.

Trong bệnh xá, có bác sĩ Trương Như Quynh rất là giỏi và anh đại tá Đức thuộc lực lượng đặc biệt và anh Trung đại úy cảnh sát hết lòng chăm sóc nhưng anh Xuân, người viện trưởng mà tôi rất quý mến ấy đã nhắm mắt lại đúng vào ngày Quốc Tế Nhân Quyền. Ngày trước hôm anh mất, tôi và anh Võ xuống thăm mà không cầm được nước mắt vì thân hình anh trên giường bệnh chỉ còn là đúng một bộ xương khô. Nếu không có cặp mồi còn chút mấp máy thì không ai biết là anh còn sống vì cái đầu óc uyên bác của anh trước kia nay tóp lại chỉ còn là một cái đầu lâu không hơn không kém. Trong những ngày cuối anh chỉ sống thoi thóp nhờ vào những giọt nước anh Trung nhỏ từ từ vào cho thấm môi vì ung thư đã di căn lên từ bao tử chẹt lấy yết hầu và làm anh không thể ăn gì được dù là vài giọt cháo loãng. BS Quynh và anh Đức đều nhìn tôi và lắc đầu nói

rằng bệnh xá đã làm đơn xin cho anh Xuân được về cho gia đình chăm sóc từ lâu rồi mà họ không chấp thuận. Bộ Nội Vụ biết rằng anh đã bị căn bệnh ngặt nghèo đó nhưng vẫn nhất định không thả. Một lần nữa họ đã cho chúng tôi thấy rõ “chính sách khoan hồng” của họ như thế nào và lòng hận thù nhỏ nhen của họ đối với chúng tôi như thế nào.

Đó là những dẫn chứng mà tôi tin rằng Thượng Tọa Thích Thanh Long là người đã đạt đến bậc chân tu và thầy chỉ nói những gì thật là cần thiết với những người tù đồng cảnh ngộ mà thôi chứ không thể tiết lộ thiên cơ được. Khi được thả về, thầy Long đã về lại ngôi chùa Giác Ngạn nằm ở cuối con đường Trương Minh Giảng gần nhà Mẹ tôi tại quận Ba, Sài Gòn, là nơi mà thầy đã trụ trì trước kia. Thực tế đau lòng là đã có một vị sư được Nhà Nước cử đến để coi ngôi chùa này kể từ khi thầy vào tù và họ cho thầy trú trong một góc chùa nhưng các Phật tử đã mừng rỡ đến thăm thầy rất đông để chăm sóc sức khỏe cho thầy. Ít năm sau thì tôi nghe tin thầy ngã bệnh và viên tịch trong sự thương tiếc của hàng ngàn Phật tử và hàng ngàn người đã đưa tiễn thầy lần sau cùng.

Khi ấy tôi vẫn còn trong trại giam Hàm Tân ở miền Nam và nhìn lên bầu trời cao xanh thăm thẳm kia, tôi như thấy một đóa hoa sen đang rực rỡ tỏa sáng, một đóa sen hồng chân tu mà tôi vô cùng kính phục đã trả xong nợ của một kiếp người và đã bay về miền Vĩnh Cửu; nơi mà chỉ có An Lạc Hạnh Phúc, nơi không còn hận thù chém giết và đọa đầy, nơi không còn oán tắng và sinh lão bệnh tử.

## **Phần V: Những Vị Sư Nha Tuyên Úy**

Nhìn lại giòng lịch sử của dân tộc Việt Nam, đất nước chúng ta như đắm chìm trong chiến tranh tàn khốc, Hòa Bình chẳng khác gì những mảnh áo còn lạnh lặn trên một chiến bào tả tơi vì thương tích. Ngày mà Sài Gòn sụp đổ mới như hôm nào mà đã 35 năm qua rồi với bao đau thương tang tóc trên quê hương miền Nam dưới chế độ cai trị hà khắc của Cộng Sản (CS). Nếu chúng ta không viết lại những chiến tích oai hùng của QLVNCH, những công lao to lớn của hàng triệu người đã đứng dưới lá cờ vàng ba sọc đỏ để chiến đấu bảo vệ những giá trị quý báu như Dân Chủ, Tự Do cho ngôn luận, báo chí, tín ngưỡng tại miền Nam suốt hai mươi năm 1954-1975, thì những giá trị ấy sẽ dần dần bị rơi vào quên lãng và con cháu chúng ta sau này cũng thiếu tài liệu trung thực để tham khảo về quãng thời gian hai mươi năm ấy.

Khi miền Nam mất vào tay CS, hàng triệu người quân dân cán chính của chế độ cũ đã lần lượt vào tù, và như nhận xét của đài VOA lúc đó thì hầu như những thành phần ưu tú nhất của chế độ VNCH đang nằm trong lao tù CS từ Nam chí Bắc. Trong số hàng triệu tù nhân kể trên, đặc biệt còn bao gồm cả các nhà sư, các vị linh mục, và mục sư trong các Nha Tuyên úy Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo và Tin Lành vì các vị này đã được gán lon sĩ quan giả định để ủy lạo, nâng đỡ tinh thần và làm những nghi thức tôn giáo trong những đơn vị quân đội. Vì vậy các vị này cũng bị tập trung “cải tạo” và cưỡng bách lao động trong trại giam y như những sĩ quan khác của QLVNCH. Đứng đầu Nha Tuyên Úy Phật Giáo là Thượng Tọa Thích Thanh Long, quyền Giám Đốc, thứ hai là Thầy Minh Tâm hay Hòa Thượng Thích Thiện Chánh, Chánh Sở Phật Giáo Đô Thành.

Kỳ trước, tác giả có đề cập đến những huyền thoại về thầy Thích Thanh Long. Kỳ này đề cập đến thầy Minh Tâm với những lời di huấn của thầy đã khai sáng lại niềm tin vào tôn giáo trong những năm tháng lưu đầy khi mà những người tù không còn một nơi nào để bám víu vào mà tồn tại.

Khi mà đồng minh Hoa Kỳ đã bỏ rơi để họ sa vào tay kẻ thù, khi mà gia đình thì quá xa vời và cũng đang khốn khổ bên ngoài vì gọng kìm siết chặt của kẻ thắng trận, khi mà chung quanh họ chẳng còn ai khác ngoài các chiến hữu cũ, bốn bức tường và những cai tù cay nghiệt đang đọa đầy thân xác họ. Khi đó chợt xuất hiện những vị lãnh đạo tinh thần trong Nha Tuyên Úy trong trại mà tôi đang bị giam giữ, không biết đó là điều ngẫu nhiên hay định mệnh đã an bài để cứu vớt những người tù?

Nhìn bề ngoài, Thầy Long giống như một ông già nhà quê Bắc Kỳ bình dị và chất phác trong bộ áo nâu sòng, nhưng ở con người thầy như thoát ra một dòng điện nhu hòa đem lại yên bình cho những người chung quanh của một nhà sư mà Tâm đã định, Trí đã ngộ và Huệ đã như bông sen nở ra để cứu độ chúng sanh. Thầy Minh Tâm thì đúng là chân chất thật thà như người dân miền Nam Bộ. lúc nào cũng cười hiền hậu và sẵn sàng giúp đỡ các anh em đau ốm như cạo gió hay lễ nếu bệnh nặng, hay nói chuyện đời chuyện đạo để an ủi họ.

Hình như Ông Trần đã xui khiến cho nên hai thầy đều đã từ chối sự giúp đỡ của các tòa đại sứ bạn không đi tẩn, để vào tù cùng với các vị linh mục và mục sư mà cứu độ các người tù trong cõi hỏa ngục trần gian. Bởi tôn giáo trong suốt thời gian đó chính là niềm hy vọng cuối cùng cứu rỗi cho họ, những con người bị bỏ rơi trong tuyệt vọng. Bởi lúc đó, con người sống trong nhục nhằn, đau khổ và đói khát đến tận cùng và hầu hết đã mất niềm tin vào tôn giáo; cho nên những trại giam nơi có bước chân của quý thầy đi qua đã củng cố lại niềm tin ấy và còn giúp cho đạo Phật được hoàng dương ngay tại những nơi hoang vu thâm sơn cùng cốc và nghèo nàn nhất.

Thế rồi như một phép lạ, Lễ Phật Đản đầu tiên khoảng năm 1984 đã rơi vào ngày Chủ Nhật và được tổ chức qui mô nhất trong không khí trang nghiêm, trật tự và được Thầy Thích Thanh Long chủ trì. Một căn buồng giam đã được chọn, quét dọn gọn gàng sạch sẽ và hai tầng trên có một bàn thờ Phật, một bình bông và nhang đèn đầy đủ với hàng trăm tù nhân Phật tử tham dự ngồi đầy hai tầng trên và cả hai tầng dưới. Một hình ảnh thật lạ lùng không ngờ và huyền diệu chưa từng có trong lịch sử trại giam tại miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Thầy Khuê, Đệ Tam Đẳng Huyền Đai của võ đường Nhu Đạo Quang Trung khi xưa được cử ra canh giữ ngoài cổng cùng với hai thầy đại đức khác để đề phòng đám cán bộ trại có thể bắt ngờ vào trại xin trà cà phê thuốc lá. Nhưng đứng như Thầy Long nói vì mình thờ Phật và kính Tam Bảo nên mình được chư vị Sơn Thần Thổ Địa che chở, và như Thầy Tâm thì trại gần chùa Hương Tích nơi thờ Phật Bà Quán Thế Âm nên được hưởng những an lành, cho nên hôm đó bên ngoài trại hầu như trống vắng vì họ kéo róc hết ra thị xã để xem một trận đá banh nên buổi lễ mừng Phật Đản năm đó đã diễn ra hết sức viên mãn.

Thầy Long chí tâm đánh lễ chư Phật xong thì trì niệm chú Đại Bi, bài Thập Chú, Sám Pháp, Thập Nhị Nguyên Quán Thế Âm, v...v... Các Phật tử trì niệm theo, những lời kinh trầm trầm êm êm, nhẹ nhàng và thanh thoát bay lên không trung và mọi người như cảm thấy tuy thân trong tù nhưng tâm hồn như đã thoát vút lên cao và những lời kinh cầu đó như xoa dịu đi những nỗi đau của kiếp biệt xứ lưu đầy. Buổi sáng hôm đó tôi lại học thêm một bài học nữa khi chạy qua khu nhà Văn Hóa vì bên đó nhờ bàn tay các anh em nghệ nhân mà có một vườn hoa rất đẹp vừa hoa hồng, vạn thọ, hướng dương đủ cả, để xin bó hoa cắm bình bông cho buổi lễ. Khi về Thầy Long thấy và bảo tôi rằng chỉ nên lấy vừa đủ bông hoa thôi, không cần nhiều thế, còn để cho Trời Đất cùng hưởng hương thơm của cây cảnh. Từ đó, tôi ngộ được rằng con người ta không phải sống lẻ loi mà cùng với Trời Đất tồn tại. Trời Đất cũng biết thưởng thức hoa cảnh và thiên nhiên như con người và cùng chịu đựng cả những sự tàn phá thiên nhiên mà con người gây ra nữa.

Không những năm ấy là năm duy nhất mà chúng tôi đã tổ chức được một đại lễ Phật Đản trong tù mà vào dịp cuối năm các anh em, do quý vị linh mục và mục sư hướng dẫn cũng đã tổ chức được một lễ Giáng Sinh thật là huy hoàng chưa bao giờ có. Hàng đoàn người đã mang theo tượng Đức Mẹ và Chúa Giê Su đi rước lễ từ buồng này qua buồng kia và hát những bài thánh ca thật là thanh thoát. Buổi lễ mừng Chúa Giáng Sinh cũng thành công rực rỡ ngoài dự định vì không kể các con chiên còn có nhiều Phật tử trong đó có tôi cũng xin tham dự.

Tôi còn may mắn trong thời gian ở chung buồng với quý thầy thì một hôm Thầy Tâm gọi tôi xuống ngồi cạnh bên chiếc võng thầy đang nằm và bắt đầu nói chuyện với tôi về đời và đạo. Tôi cũng không ngờ rằng chính Thầy đang trang bị cho tôi một kiến thức về đạo Phật để giúp cho tôi sau này đủ nghị lực để chống chọi với những thử thách lớn lao hầu như khó vượt qua nổi của những năm tháng sau cùng còn trong tù khi mà các bạn tù của mình lần lượt ra về, và khi mà chiếc phao cuối cùng là người vợ thì không còn đến thăm tôi trong trại giam nữa. Tôi dần dần làm quen với những sự trống vắng đó vì biết rằng nếu không quen dần đi thì nó sẽ giết mình dần theo thời gian và sức khỏe sẽ suy kiệt.

Có thể Thầy đã tham thiền nhập định và thông hiểu các chuyện quá khứ vị lai nên thầy luôn khuyên tôi phải luôn giữ chánh tâm mà niệm Phật "Lục Tự Di Đà" để giải trừ bớt nghiệp chướng. Thầy ví trại giam như cái tấm lưới của cái võng mà thầy đang nằm, nếu ta chấp nhận nghiệp thì nó sẽ như cái võng nhưng nếu ta chống lại nó tức là nghịch lại với nghiệp chướng thì nó sẽ là những sợi dây thừng siết cổ mình lại. Thầy bảo rằng mỗi chúng sanh đều có nghiệp riêng và quốc gia cũng có lúc hưng thịnh hay suy vong. Mất nước thì con dân đều phải gánh chịu một phần, kiên tâm chịu đựng thì tương lai sẽ còn. Cái gì đã An Bài thì chúng ta không thể đi ngược lại được Định Mệnh mà phải xuôi theo giòng để xem tương lai sẽ về đâu.

Thầy kể cho tôi nghe về Sư Ông là người thầy của thầy, tu tại chùa Châu Viên tại vùng Thất Sơn, Châu Đốc, là một vị chân tu mà Việt Minh cũng sát hại Sư Ông một cách dã man bằng cách trói tay bằng dây kẽm gai và



chặt đầu bằng mã tấu như thời Trung Cổ vậy. Lúc ấy, Thầy Tâm mới mười mấy tuổi nhưng cảnh tượng hãi hùng đó cả đời thầy không bao giờ quên được; và Thầy dặn tôi rằng không bao giờ chúng ta có thể sống chung với họ được. Họ đây chính là Việt Minh mà sau này đã lộ bộ mặt thật ra là Cộng Sản, tay chân của Nga Sô và Trung Cộng.

Qua những lần thăm nuôi có một vị Tuyên Úy đã bí mật đem vào trại cuốn “Đức Phật và Phật Pháp” và cho tôi mượn. Tôi có lẽ có duyên với đạo Phật hay sao nên tất cả quý thầy nhỏ lớn đều yêu mến tôi nên thường hay gặp tôi trò chuyện những cái hay cái dở của các thầy, nhờ đó tôi lại hiểu thêm nhiều về cả đạo lẫn đời, về căn tu, về Duyên, Nghiệp và Quả Báo. Trong trại giam họ đặt ra nội qui nghiêm cấm tất cả sách báo từ ngoài vào cho nên có được một cuốn sách Phật trong tay là điều kỳ diệu. Tôi đã đọc một mạch từ đầu đến cuối cuốn sách và những dòng chữ ấy như từ từ thấm vào trong người và đem lại cho tôi một bản lãnh mà trước đó mình chưa hề có.

Trước kia, tôi thường hay thắc mắc không biết hỏi ai vì sao hai anh em tôi cùng một mẹ cha, cùng cấp sách học chung trường, cùng lớn lên dưới một mái nhà mà anh tôi, Thiếu Tá HQ lại đoàn tụ được với vợ con hạnh phúc bên Mỹ – Thiên Đàng của Hạ Giới – trước khi Sài Gòn sụp đổ, trong khi đó thì tôi sa vào chốn địa ngục này không biết ngày nào ra, và gia đình thì chia ly rồi tan vỡ? Tại sao đêm ngày 29 tháng Tư ấy tại cổng sau của tòa đại sứ HK, tôi không can đảm ra đi một mình như Mẹ tôi đã căn dặn là Mẹ sẽ ở lại và lo cho vợ con tôi để tôi yên tâm ra đi vì an nguy của bản thân mình, mà lại vì vợ con ở lại để sống trong kiếp lưu đầy và cuối cùng thì gia đình cũng chẳng còn gì? Tôi muốn hỏi “tại sao” hàng trăm lần nhưng bây giờ sau khi đọc xong cuốn sách Phật, được nghe những lời giảng huấn của quý thầy, nhất là Thầy Minh Tâm và Thầy Long thì tôi đã hiểu và sẽ cam tâm chịu đựng cái số kiếp của mình và cái định mệnh đã an bài.

Những buổi tối sau một ngày lao động mệt mỏi thì những lúc ngồi cạnh Thầy Tâm nghe thầy nói chuyện là những lúc an ủi nhất cho tôi. Thầy bảo với tôi rằng Ông Trên đã xui khiến cho thầy về trại này để độ trì cho tôi vì tôi là một trong bốn đệ tử của thầy. Tôi vừa bàng hoàng vừa vui mừng tiếp nhận ân sủng đó, nhất là khi thầy nhận tôi làm dưỡng tử. Cũng nhờ Thầy Minh Tâm luôn khuyến khích bên cạnh mà tôi đã làm được một công đức mà thầy gọi là vô lượng là sau mấy tháng ròng rã đã trì trí mà chép xong được hai bộ kinh rất quý giá là Pháp Hoa và Địa Tạng. Thầy Tâm đã cung kính thắp một nén nhang dâng cuốn tôi sao chép lại kinh Pháp Hoa lên chư Phật và cuốn Địa Tạng thì hồi hướng công đức cho Ba tôi đã mất. Thầy luôn nhắc nhở cho tôi nhớ là chúng ta đang sống trong thời Mạt Pháp, lành ít dữ nhiều, là thời của Quỷ Đò đang tung hoành nên phải chuyên tâm niệm Phật, bố thí và làm Phước.

Sau hơn mười hai năm tù giam thì tất cả các vị Tuyên Úy đều được thả ra khỏi trại và theo xe lửa về Nam, như đem theo cả một phần sinh khí của trại cùng xuôi về phương Nam với các vị ấy. Tôi còn ở lại trong sự trống vắng mênh mông của những buồng giam và sự trống rỗng ngay cả trong tâm hồn mình. Nhớ đến các lời thầy đã dặn dò và chỉ dạy như vẫn còn văng vẳng đâu đây, tôi đứng dậy ra sân trại, nhìn về phía những rặng núi xanh xanh xa mờ chập chùng mây trắng bao phủ chung quanh và tự nhủ lòng rằng sẽ phải hết sức sống còn để ra khỏi cõi U Minh này.